

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HS - ST

Ngày: 23/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Tuyết; Bà Phan Thị T Tiên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22, 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội, Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 124/2025/TLST - HS ngày 19/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST- HS ngày 19/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/HSST - QĐ ngày 30/6/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị L, sinh ngày: 24/6/1987; Nơi thường trú và nơi ở: Phòng 1xxx Q, phường L, quận H, (nay là phường D) thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non tự thực; Trình độ văn hoá: 12/12 Con ông: Phạm Quốc M (Sinh năm: 1963) Con bà: Nguyễn Thị M (Sinh năm: 1963). Bị cáo có chồng đã ly hôn, có 04 con. Con nhỏ sinh năm 2024. Con lớn sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Vũ Văn T - Luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Nơi công tác: Công ty luật TNHH Đ; Địa chỉ: Số 2x H, phường H, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị T, sinh năm 1975; HKTT: Tổ 4x, K, T, Hà Nội. Nơi ở: P1xx H số 3x L, phường N, quận T, (nay là phường T) thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T: Bà Đoàn Thu N, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Nơi công tác: Công ty luật TNHH L; Địa chỉ: Số 8x D, D, C, (nay là phường C) thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị L quen biết xã hội với bà Hà Thị T từ năm 2018, giữa L và T có mối quan hệ làm ăn với nhau, L thường xuyên cho bà T vay tiền để kinh doanh nhưng không cần tài sản thế chấp. Khoảng đầu năm 2021 bà T có đặt vấn đề vay tiền L. Ngày 05/02/2021, bà T vay của L số tiền 900.000.000 đồng để kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ tại khu F Thanh Hóa, do thời gian này đang có dịch covid-19 nên 2 bên thỏa thuận là nếu thời điểm đó Nhà nước không chế được dịch Covid19 thì đến ngày 30/8/2021, bà T sẽ phải trả cho L số tiền 1.600.000.000 đồng (tương đương với lãi suất 133%/ năm). Trường hợp nếu không không chế được dịch Covid-19 thì bà T sẽ phải trả cho L số tiền 1.211.700.000 đồng (tương đương lãi suất khoảng 60%/năm). Để hợp thức hóa khoản vay này, ngày 08/2/2021 L đã thuê Thừa phát lại là ông Nguyễn Quyết T thuộc văn phòng thừa phát lại B lập 01 Vi bằng số 799/2021/VB-TPLBĐ về việc bà T vay của L số tiền 1.600.000.000 đồng nêu trên thể hiện bằng “Hợp đồng vay tiền” số 0802/2021/HĐVT kèm theo Vi bằng. L đã chuyển khoản cho T số tiền 900.000.000 đồng trong ngày 05/02/2021 vào tài khoản của T tại ngân hàng V.

Ngày 15/11/2021, L thuê Thừa phát lại là ông Nguyễn Quyết T thuộc văn phòng Thừa phát lại H (địa chỉ: số 6x T, phường T, quận H, Hà Nội) tới lập vi bằng số 1612.2021/VB-TPLHN về việc chứng kiến bà T và L ký vào văn bản thỏa thuận với nội dung bà T nhận số tiền 500.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, xe mới 100%, rẻ hơn giá thị trường 400.000.000 đồng, trong vòng 1 tháng kể từ ngày ký. Ngày 17/11/2021, L thuê Thừa phát lại là ông Nguyễn Quyết T thuộc văn phòng thừa phát lại Hà Nội tới lập vi bằng số 1674.2021/VB-TPLHN về việc chứng kiến bà T và L ký vào văn bản thỏa thuận với nội dung bà T nhận số tiền 500.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, xe mới 100%, rẻ hơn giá thị trường 300.000.000 đồng, trong vòng 1 tháng kể từ ngày ký. 7

Ngày 19/5/2022, L tiếp tục thuê Thừa phát lại là ông Nguyễn Quyết T thuộc văn phòng thừa phát lại Hà Nội tới lập Vi Bằng số 2429.2022/VB-TPLHN về việc chứng kiến bà T ký vào văn bản thỏa thuận với nội dung bà T nhận của L số tiền 2.000.000.000 đồng để mua căn hộ chung cư giá rẻ tại khu đô thị V cho L trong vòng 2 tháng kể từ ngày ký.

Sau khi vay tiền của L, bà T và gia đình đã nhiều lần trả tiền vay (cả gốc và lãi) cho L. Tuy nhiên đến đầu năm 2024, do làm ăn thua lỗ, bà T không trả nợ đúng hạn đối với phần tiền gốc và lãi cho L. Do vậy, đến ngày 04/3/2024, L đã sử dụng 04 Vi bằng nêu trên để tố giác bà T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc nhận tổng số tiền 4.600.000.000 đồng theo

bốn vị bằng để mua nhà, mua xe ô tô cho L nhưng sau đó không thực hiện và chiếm đoạt số tiền này.

Quá trình xác minh, bà T trình bày có nhu cầu vay tiền của Phạm Thị L nhưng L nói sẽ vay tiền của bạn cho bà T nên yêu cầu bà T ký vào các vị bằng mới cho vay tiền, thực chất các vị bằng này là các thỏa thuận giả cách để bà T vay được tiền của L chứ không phải nhận tiền để mua nhà, mua xe ô tô. Ngoài ra, bà T nhiều lần vay tiền của L, khi có nhu cầu vay tiền của L thì bà T gọi điện hoặc nhắn tin hỏi L số tiền cần vay. Mỗi khoản vay khi chuyển khoản cho bà T, L đều ghi rõ nội dung số tiền L cho bà T vay là bao nhiêu và thời gian vay là bao lâu. Số tiền chuyển khoản bà T nhận được đã bị L giữ lại số tiền lãi của khoản vay. Những khoản vay này bà T đều đã trả cho L, có một vài lần bà T chậm trả thì L đều tính lãi phát sinh của khoản vay này theo lãi suất đã thỏa thuận. Tất cả các lần vay tiền hai bên đều thông qua chuyển khoản, không nhận trực tiếp tiền mặt. Sau khi chậm trả lãi và gốc cho L, bà T đã nhiều lần bị L gây áp lực đòi tiền nên bà T cùng L đã tổng hợp lại những khoản vay còn nợ giữa bà T và L nên đến khoảng 12/2022 cụ thể bà T xác nhận nợ L số tiền 4.750.000.000 đồng, bà T đã trả L số tiền 688.000.000 đồng, còn lại bà T đã viết cho L 01 giấy vay tiền (không đề ngày tháng năm) với nội dung T nợ L số tiền 4.062.000.000 đồng. Trên giấy vay tiền này bà T cam kết đến ngày 13/12/2022 sẽ trả cho L số tiền 400.000.000 đồng và đến hết tháng 3 năm 2023 bà T sẽ trả L số tiền còn lại. Tuy nhiên, do kinh doanh khó khăn nên bà T lại không thực hiện được như cam kết mà chỉ trả được cho L số tiền khoảng 60.000.000 đồng. Do vậy, ngày 27/2/2023, L và bà T thống nhất chốt lại số nợ cuối cùng là 4.000.000.000 đồng, bà T đã viết cho L thêm 01 giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 với nội dung vay của L số tiền 4.000.000.000 đồng. Thực tế giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 mà bà T viết là giấy bà T xác nhận lại khoản vay của bà T còn lại tại thời điểm đó với L chứ không phải giấy vay tiền mà bà T đã nhận bằng tiền mặt của L vì tất cả những lần vay tiền L đều chuyển khoản cho bà T chứ không giao tiền mặt. Khi viết giấy này bà T đã yêu cầu L trả lại cho bà T giấy vay tiền vào tháng 12/2022, tuy nhiên L từ chối không giao cho bà T giấy này.

Sau đó bà T tố giác L có hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với 10 khoản vay với tổng giá trị 4.570.000.000 đồng có lãi suất từ 103,5%/năm đến 1368,75%/năm, cao hơn mức 5,175 lần đến 68,4375 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đối với 10 khoản vay này, L đã trừ luôn số tiền lãi tương ứng với số ngày cho vay vào trong phần tiền gốc cho vay và thu lợi bất chính số tiền **480.706.370** đồng, cụ thể:

1. Ngày 06/01/2022, L cho bà T vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày. L đã cắt lãi của khoản vay này là 17.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 2.833 đồng/01 triệu 01 ngày, mức lãi suất 103.417%/năm) và sử dụng tài khoản số 2153405706 ngân hàng B của L chuyển số tiền 383.000.000 đồng vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T với nội dung chuyển khoản “cho chi T vay 400 15 Ny”. Số tiền L thu lợi bất chính là 13.712.328 đồng.

2. Ngày 19/01/2022, L cho bà T vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày. L đã cắt lãi của khoản vay này là 30.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 8.571 đồng/01 triệu/ 01 ngày,

mức lãi suất 312,85%/năm) và sử dụng tài khoản số 0800122226666 ngân hàng M của L chuyển 03 lần với tổng số tiền 470.000.000 đồng (lần 1: ngày 19/01/2022, L chuyển số tiền: 250.000.000 đồng, lần 2: Ngày 19/01/2022, L chuyển số tiền: 130.000.000 đồng, lần 3: ngày 20/01/2022, L chuyển số tiền: 90.000.000 đồng) vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T mang tên bà Hà Thị T. Số tiền L thu lợi bất chính là 28.082.192 đồng.

3. Ngày 21/01/2022, L cho bà T vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày. L đã cắt lãi của khoản vay này là 16.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 8.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mức lãi suất 292%/năm) và sử dụng tài khoản số 0800122226666 ngân hàng M của L chuyển số tiền 184.000.000 đồng vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà Thúy với nội dung chuyển khoản "cho c thuy vay 200tr 10 Ny". Số tiền L thu lợi bất chính là 14.904.110 đồng.

4. Ngày 27/03/2022, L cho bà T vay 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày. L đã cắt lãi của khoản vay này là 15.750.000 đồng (tương đương lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mức lãi suất 109,5%/năm) và sử dụng tài khoản số 0800122226666 ngân hàng M của L chuyển số tiền 334.250.000 đồng vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T với nội dung chuyển khoản "cho c T vay 15 ngày 350tr". Số tiền L thu lợi bất chính là 12.873.288 đồng.

5. Ngày 14/04/2022, L cho bà T vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày. L cắt lãi của khoản vay là 15.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 3.330 đồng/01 triệu/01 ngày, mức lãi suất 121,67%/năm) và sử dụng số 0800122226666 ngân hàng M của L chuyển số tiền 285.000.000 đồng vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T với nội dung chuyển khoản "cho c T vay 15 ngày 300tr". Số tiền L thu lợi bất chính là 12.534.247 đồng.

6. Ngày 19/05/2022 và ngày 20/5/2022, L cho bà T vay tổng số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày (02 tháng). L đã cắt lãi của khoản vay là 421.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 3.508 đồng/01 triệu/01 ngày, mức lãi suất 128,05%/năm) và chuyển tổng số tiền 1.579.000.000 đồng vào tài khoản của bà T từ ngày 19/5/2021 đến ngày 20/5/2021 thông qua 5 lần chuyển khoản từ tài khoản số 0800122226666 ngân hàng M của L đến tài khoản số 106005014939 ngân hàng V và tài khoản số 190255322205020 ngân hàng T của bà T với nội dung chuyển khoản "Tổng e L cho c T vay 2 tỷ 2 tháng". Số tiền mà L đã thu lợi bất chính là 355.246.575 đồng.

7. Ngày 25/05/2022, L cho bà T vay tổng số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày. L cắt lãi của khoản vay là 16.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 7.619 đồng/01 triệu/01 ngày, mức lãi suất 834,29%/năm) và chuyển số tiền 284.000.000 đồng từ tài khoản số 6868789789789 ngân hàng M của L vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T, sau đó L nhắn tin cho bà T qua ứng dụng Z với nội dung "C oi vay 300tr vay 7 ngày, đến ngày 3175 trả khoản 300". Số tiền L đã thu lợi bất chính là 14,849,315 đồng.

8. Ngày 01/06/2022, L cho bà T vay 150.000.000 đồng trong 15 ngày. L đã cắt lãi của khoản vay này là 7.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 3.111 đồng/01 triệu 01 ngày, mức lãi suất 113,56%/năm) và chuyển số tiền 143.000.000 đồng từ tài khoản số 0800122226666 ngân hàng M của L vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T với nội dung chuyển khoản "C T vay 150tr 15 ngày". Số tiền L đã thu lợi bất chính là 5.767.123 đồng.

9. Ngày 03/06/2022, L cho bà T vay 320.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày. L cắt lãi của khoản vay là 12.000.000 đồng (tương đương lãi suất là 37.500 đồng 01 triệu 01 ngày, mức lãi suất 1368.75%/năm) và chuyển số tiền 308.000.000 đồng từ tài khoản số 6868789789789 ngân hàng MB của L vào tài khoản số 106005014939 ngân hàng V của bà T với nội dung chuyển khoản "Cho c T vay 320tr 1 Ny". Số tiền L đã thu lợi bất chính là 11.829.658 đồng.

10. Ngày 07/07/2022, L cho bà T vay 350.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày. L cắt lãi của khoản vay là 12.250.000 đồng (tương đương lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, mức lãi suất 182,5%/năm) và chuyển số tiền 337.750.000 đồng từ tài khoản số 0800122226666 ngân hàng MB của L vào tài khoản số 152989717 ngân hàng VPBank của bà T với nội dung chuyển khoản "PHAM THI L cho c T vay 350tr 7 ngày". Số tiền L đã thu lợi bất chính là 10.907.534 đồng.

Thu giữ của bà Hà Thị T: Các hình ảnh trên điện thoại của bà T là những đoạn hội thoại giữa tài khoản được đăng ký bằng số điện thoại 0972573999 của bà T và tài khoản được đăng ký bằng số điện thoại 0932222885 của L trên ứng dụng Z có liên quan tới hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của L.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị L không thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. L khai toàn bộ các khoản vay L cho bà T vay đều không tính lãi suất. Đối 10 khoản vay nêu trên, L trình bày số tiền còn thiếu theo nội dung chuyển khoản so với số tiền thực chuyển, L đều đưa tiền mặt cho bà T. Mỗi lần đưa tiền mặt L đều lập giấy tờ biên nhận. Sau này L và bà T đã tổng hợp lại những lần đưa tiền mặt thành một giấy vay tiền đứng tên Hà Thị T đề ngày 27/2/2023 với nội dung L cho bà T vay số tiền 4.000.000.000 đồng và hủy các giấy biên nhận trước đây đi. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ, lời khai của bà Hà Thị T cùng các tin nhắn thể hiện trong ứng dụng Z giữa L và bà T, nội dung chuyển khoản đối với 10 khoản vay nêu trên đủ chứng cứ chứng minh tổng số tiền thu lợi bất chính của L là **480.706.370** đồng.

Cơ quan điều tra Thu giữ của Phạm Thị L:

- 01 vi bằng số 0150/2024/VB-TPLTN ngày 16/7/2024 của Văn phòng Thừa phát lại T.
- 02 giấy vay tiền đứng tên Hà Thị T không đề ngày (bản gốc).
- 01 giấy vay tiền đứng tên Hà Thị T đề ngày 27/2/2023 (bản gốc).
- 02 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa L và bà T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký có trên ba giấy vay tiền mà Phạm Thị L cung cấp. Tại bản kết luận giám định số 5615/KT-KTHS ngày 07/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận chữ viết và chữ ký có trên ba giấy vay tiền nêu trên là của bà Hà Thị T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm do L cung cấp. Tại bản kết luận giám định số 6518/KL-KTHS ngày 04/12/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận giọng nói có trong hai đoạn ghi âm là của L và bà T.

Đối với nội dung L tố giác bà T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc nhận tiền để mua nhà, mua xe ô tô và vay tiền để đầu tư phòng nghỉ FLC thể hiện qua 4 vi bằng do ông Nguyễn Quyết T với vai trò là thừa phát lại của Văn phòng Thừa phát lại B và Văn phòng Thừa phát lại H, căn cứ giá trị nhà và xe ô tô rẻ hơn gần 50% so với giá của nhà sản xuất, quá trình thu thập chứng cứ sao kê tài khoản ngân hàng, tin nhắn giữa L và bà T xác định đây là những giao dịch giả cách để che giấu các giao dịch vay tiền của bà T với L. Do đó, việc L tố giác bà T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ.

Tiến hành thu thập chứng cứ về sao kê tài khoản ngân hàng của L và bà T còn thể hiện ngoài 10 khoản vay với lãi suất cao đã nêu trên còn có nhiều giao dịch chuyển khoản giữa L và bà T nhưng không có căn cứ xác định là các khoản vay với lãi suất nặng cao hơn quy định của pháp luật dân sự nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay này.

Đối với số tiền thu lời bất chính, quá trình điều tra, xác định bà T đã trả toàn bộ phần gốc và lãi đối với 10 khoản vay nêu trên, trong 10 khoản vay nêu trên có khoản vay đến hạn nhưng bà T không trả hết tiền cho L nên L tiếp tục tính lãi suất trên khoản vay đó. Căn cứ sao kê chuyển khoản bà T đã chuyển khoản tiền cho L nhiều lần không ghi rõ trả lãi, gốc cho khoản vay nào, cả bà T lẫn L đều không xác định được nên chỉ có căn cứ xác định tổng số tiền thu lợi bất chính của L là 480.706.370 đồng

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Phạm Thị L giao nộp lại toàn bộ phần tiền gốc và lãi của 10 khoản vay trên, tuy nhiên L không thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên từ chối giao nộp số tiền là vật chứng vụ án, do đó Cơ quan điều tra đã yêu cầu ngân hàng TMCP Q phong tỏa tài khoản số 8686789789789, 0800122226666, 0800100048888, yêu cầu ngân hàng thương mại cổ phần B phong tỏa tài khoản số 2153405706.

Bản Cáo trạng số 104/CT ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội đã quyết định: truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

***Bị cáo Phạm Thị L khai nhận hành vi phạm tội như sau:** Do có mối quan hệ làm ăn từ trước với chị Hà Thị T nên bị cáo đã nhiều lần cho chị T vay tiền với tổng tiền vay **13.806.505.000** đồng trong đó có 9.806.505.000 đồng tiền chuyển khoản và 4.000.000.000 đồng tiền mặt theo giấy vay tiền ngày 27/2/2023, từ ngày 05/02/2021 đến

ngày 06/01/2022 L đã chuyển cho T vay số tiền 3.534.555.000 đồng, T đã chuyển trả L số tiền 1.239.800.000 đồng. Từ ngày 06/01/2022 đến 28/12/2023, L chuyển cho T vay 6.271.750.000 đồng. T đã chuyển trả L số tiền 8.178.500.000 đồng cùng với 200.000.000 đồng từ tài khoản của H (em dâu bà T) và 500.000.000 đồng do ông Q chồng bà T đưa cho L. Tổng số tiền bà T chuyển cho L là: **10.408.300.000 đồng**. Để hợp thức hóa các khoản tiền nên bị cáo đã thuê thừa phát lại lập các vi bằng, mục đích chốt số nợ giữa các bên. Bị cáo không xác định được trong số tiền bà T đã chuyển cho bị cáo từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay khoản tiền nào trả cho món vay nào, do các bên trả nợ gộp nhau và các tin chuyển khoản của bà T không ghi rõ nội dung chuyển nên cũng không xác định được gốc lãi. Bị cáo xác nhận giấy vay tiền ngày 27/2/2023 là khoản vay bà T nhận bằng tiền mặt, được hai bên xác nhận sau khi giao tiền. Lý do có giấy vay tiền này là do tháng 12/2022 bà T xác nhận nợ L số tiền 4.750.000.000 đồng, bà T đã trả L số tiền 688.000.000 đồng, còn lại bà T đã viết cho bị cáo 01 giấy vay tiền (không đề ngày tháng năm) với nội dung T nợ bị cáo số tiền 4.062.000.000 đồng. Trên giấy vay tiền này bà T cam kết đến ngày 13/12/2022 sẽ trả cho bị cáo số tiền 400.000.000 đồng và đến hết tháng 3 năm 2023 bà T sẽ trả bị cáo số tiền còn lại. Sau đó bà T chỉ trả được cho bị cáo số tiền khoảng 60.000.000 đồng. Do vậy, ngày 27/2/2023, các bên thống nhất chốt lại số nợ cuối cùng là 4.000.000.000 đồng và hủy bỏ hết những giấy vay tiền còn lại. Bị cáo xin nhận lại Giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 vì đây là khoản vay dân sự không liên quan đến vụ án.

Bị cáo Phạm Thị L khai nhận có hành vi như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố, bị cáo thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, L xác nhận từ ngày 06/01/2022 đến ngày 07/7/2022, L đã cho bà Hà Thị T vay 10 khoản tiền lãi nặng với tổng giá trị 4.870.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi L thu được là 562.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi bị cáo đã cắt lại sau mỗi lần chuyển khoản cho bà T bị cáo sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà T và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc nuôi dạy các con.

***Người bào chữa cho bị cáo trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ đầy đủ, khách quan các khoản đầu tư làm ăn chung, khoản vay lãi suất theo quy định và khoản vay lãi nặng, đồng thời xác định đúng số tiền dùng để cho vay lãi nặng, số tiền thu lợi bất chính. Huỷ quyết định phong tỏa tài khoản của bị cáo do qua rà soát nguồn tiền trong tài khoản bị phong tỏa thể hiện số tiền bị phong tỏa không phải là tiền thu lợi bất chính, không phải thuộc sở hữu của bị cáo mà số tiền này là tiền ăn bán trú, tiền học phí của học sinh do bị cáo L quản lý.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện nộp 20.000.000đ khắc phục hậu quả tại Cơ quan Thi hành án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 BLHS, trong đó khung hình phạt cao nhất là 03 năm nên thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Theo danh chỉ bản và lý lịch tư pháp được Cơ quan điều tra thu thập thì đây là lần

phạm tội đầu tiên của bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS như: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và bản thân bị cáo là giáo viên luôn gương mẫu, tuân thủ quy định của Đảng, Nhà nước, Chính quyền và Tổ chức. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo đã ly hôn chồng và một mình nuôi 04 con nhỏ. Vì vụ án này mà bị cáo bị đẩy vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn, chị Hà Thị Thuỷ vẫn còn nợ tiền đầu tư, tiền vay khác của bị cáo, bị cáo phải đi vay nợ để trả cho các khoản vay hộ cho chị Thuỷ. Chị T có một phần lỗi và đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ gồm 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đang bị truy tố theo quy định tại Điều 54 BLHS. Đồng thời, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày:** Do có mối làm ăn từ trước nên bà T đã nhiều lần vay tiền L, trong đó có 10 khoản vay nóng phải chịu lãi suất cao, tổng số tiền L cho vay lãi nặng là **4.870.000.000 đồng**. Số tiền này bà T đã trả hết gốc cho L vào tài khoản của L qua các giao dịch sao kê tài khoản ngân hàng từ ngày 28/7/2021 cho đến ngày 28/12/2023 với số tiền 9.708.300.000 đồng và 200.000.000 đồng từ tài khoản của Hiền, 500.000.000 đồng tiền mặt anh Quang (chồng bà T) đưa cho L. Tổng tiền bà T chuyển cho L là **10.408.300.000 đồng**. Do hai bên có nhiều khoản vay và thời gian dài nên các khoản vay và khoản trả nợ gộp nhau, bà T cũng không xác định được các lần chuyển tiền cho L là chuyển để trả vào khoản vay nào, nhưng đối chiếu dòng tiền chuyển giữa các bên đã thể hiện bà T đã thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc 4.870.000.000 đồng. Đối với việc L trình bày ngoài khoản vay chuyển khoản bà còn vay bằng tiền mặt, bà xác nhận có một vài khoản vay bằng tiền mặt, sau khi bà nhận tiền L đều lập vi bằng hoặc các giấy tờ ghi rõ số tiền. Đối với khoản vay 4.000.000.000 đồng ở giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 là do tháng 12/2022 bà T xác nhận nợ L số tiền 4.750.000.000 đồng, bà T đã trả L số tiền 688.000.000 đồng, còn lại bà T đã viết cho L 01 giấy vay tiền (không đề ngày tháng năm) với nội dung T nợ L số tiền 4.062.000.000 đồng. Trên giấy vay tiền này bà T cam kết đến ngày 13/12/2022 sẽ trả cho L số tiền 400.000.000 đồng và đến hết tháng 3 năm 2023 bà T sẽ trả L số tiền còn lại. Tuy nhiên, do kinh doanh khó khăn nên bà T lại không thực hiện được như cam kết mà chỉ trả được cho L số tiền khoảng 60.000.000 đồng. Do vậy, ngày 27/2/2023, L và bà T thống nhất chốt lại số nợ cuối cùng là 4.000.000.000 đồng và hủy bỏ hết những giấy vay tiền còn lại. Việc chốt số nợ còn lại giữa các bên bà và L sẽ gấp gờ và làm việc sau.

Đối với số tiền **480.706.370** đồng L đã thu lợi bất chính của bà T, theo quy định của pháp luật L phải trả lại cho bà T do vậy bà yêu cầu L trả lại số tiền này đồng thời có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị L vì xác định mình cũng có một phần lỗi trong sự việc trên.

***Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:** Về hành vi cho vay nặng lãi: Vào năm 2021, bị cáo L và bà T có mối quan hệ quen biết và có cùng góp vốn, đầu tư kinh doanh khách sạn tại Khu du lịch FLC Sầm Sơn - Thanh Hóa nhưng thời điểm năm 2021 là khoảng thời gian dịch bệnh Covid-19 nên kinh doanh khách sạn gặp khó khăn nên bà T nhiều lần vay tiền Bị cáo L, trong đó có 10 khoản là lãi nặng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân đã ghi nhận. Trong quá trình vay tiền, Bị cáo L đã yêu cầu bà T lập thêm 3 vi bằng với L để ghi nhận 3 khoản vay này dưới dạng giả cách các văn bản thỏa thuận về việc bà T nhận tiền L để mua xe oto và mua nhà.. Những nội dung vi bằng dạng giả cách này là do phía Bị cáo L tự chủ động làm việc với thừa phát lại và, soạn sẵn nội dung và yêu cầu bà T ký vào. Vì thời điểm đó bà Thùy đang rất cần số tiền mà bị cáo cho vay nên bà T đã ký vào các văn bản theo yêu cầu của Bị cáo. Đối với 02 (hai) giấy vay tiền mà Bị cáo cho rằng là hai giấy vay tiền khác mà có nội dung khoảng tháng 12/2022 bà T nợ L số tiền 4.062.000.000 đồng và ngày 27/2/2023 và T nợ L số tiền 4.000.000.000 đồng, tổng số tiền mà Bị cáo cho bà T vay là 13.806.505.000 đồng (có 9.806.505.000 đồng chuyển khoản và 4.000.000.000 đồng tiền mặt). Nội dung này hoàn toàn không chính xác. Những giấy tờ vay viết tay này chỉ nhằm mục đích xác nhận lại khoản vay của bà T với L còn lại tại thời điểm đó chứ không phải là những khoản vay độc lập, khoản vay mới phát sinh giữa bà T và L. Việc L khai rằng tổng số tiền L cho bà T vay là 13.806.505.000đồng (có 9.806.505.000 đồng chuyển khoản và 4.000.000.000 đồng tiền mặt) tuy nhiên tính đến ngày 27/2/2023 căn cứ các sao kê ngân hàng, bà T đã chuyển cho L tổng số tiền là 9.375.300.000 đồng qua các tài khoản ngân hàng của L. Nếu theo trình bày của L như trên về nội dung các giấy vay tiền mà L cung cấp thì thời điểm 27/2/2023 bà T đang còn nợ L tổng số tiền 8.062.000.000 đồng tức là tổng số tiền bà T giao dịch với L tính đến ngày 27/2/2023 là 17.437.300.000 đồng. Điều này đã mâu thuẫn với chính lời khai của L do L khai tổng số tiền mà L giao dịch với bà T chỉ là 13.806.505.000 đồng (thực tế L chỉ chứng minh được L đã chuyển qua tài khoản ngân hàng cho bà T số tiền 9.806.505.000 đồng). Như vậy, có căn cứ để kết luận các giấy vay tiền mà L cung cấp cho cơ quan điều tra thực chất là các giấy xác nhận số tiền bà T còn nợ L của thời điểm khác nhau phù hợp với lời khai của bà T và tài liệu điều tra thu thập được. Việc L khai những số tiền còn thiếu theo nội dung chuyển khoản so với số tiền thực chuyển, L đều đưa tiền mặt cho bà T. Mỗi lần đưa tiền mặt L đều lập giấy tờ biên nhận. Sau này L và bà T đã tổng hợp lại những lần đưa tiền mặt thành một giấy vay tiền đứng tên Hà Thị T đề ngày 27/2/2023 với nội dung L cho bà T vay số tiền 4.000.000.000 đồng và hủy các giấy biên nhận trước đây là không có căn cứ. Qua 10 khoản vay vượt quá mức quy định của BLDS (trên 100%) có giá trị là 4.570.000.000 đồng. L đã thu lợi bất chính

480.706.380 đồng. Số tiền bà T thực nhận từ L chỉ là 9.806.505.000 đồng, còn số tiền mà bà T và gia đình bà T đã chuyển cho L là: 10.377.000.000 đồng (bao gồm 9.877.300.000 đồng tiền chuyển khoản và 500.000.000 đồng là tiền mặt) và trong đó người thân của bà T là chồng và con gái cũng đã chuyển tiền trả nợ thay bà T cho L qua bà Lê Thị Thanh T (410.000.000 đồng) và anh Nguyễn Trọng H (200.000.000 đồng) theo thỏa thuận giữa bà T và L. Như vậy, hành vi của bị cáo L đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L cũng đã thừa nhận hành vi trái pháp luật của mình. Bị cáo L đã thực hiện hành vi nêu trên với lỗi cố ý tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo L có năng lực trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được hành vi cho vay nặng lãi của mình có thể gây nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra. Hành vi cho bà T vay nặng lãi của Bị cáo đều với một mục đích duy nhất là thu lợi toàn bộ số tiền bất chính, cụ thể trong vụ án này là: 480.706.380 đồng. Xét về hậu quả với hành vi cho vay nặng lãi của bị cáo T đã gây thiệt hại cho bà T là người vay, khiến cho bà T phải vay mức lãi quá cao dẫn đến việc bà T không thể trả tiền đúng thời hạn cho bị cáo L, khiến cho lãi chồng lãi. Qua đó cũng ảnh hưởng đến người thân, gia đình của bà T. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận T thành phố Hà Nội truy tố bị cáo L với tội danh cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 BLHS là phù hợp, bị cáo L có đủ yếu tố cấu thành của tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án này bị cáo L có một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bản thân bị cáo L cũng có nhân thân tốt, trước nay chưa từng có tiền án tiền sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cũng xuất phát từ gánh nặng vật chất và tinh thần khi có 04 (bốn) người con và tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo L đã thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải để mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Căn cứ vào các phân tích nêu trên, cùng với quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 201 Bộ luật Hình sự, kính đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, qua đó đưa ra một bản án khách quan, công bằng và phù hợp đối với Bị cáo L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: Vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về việc áp dụng hình phạt chính:* đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 65; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18-24 tháng.

- *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo hiện tại không còn nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo khoản 3 điều 201 BLHS.

Đề nghị áp dụng điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho bà Hà Thị T số tiền lãi quá quy định là: 480.706.370 đồng.

+ Đối với số tiền bị cáo đã cho bà Hà Thị T vay là: (4.870.000.000 đồng - 480.706.370 đồng) = 4.389.293.630 đồng cần phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước . Trước khi xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án tại cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0012917 ngày 27/6/2025. Bị cáo đã bị phong tỏa số tiền **140.816.306** đồng tại ngân hàng TMCP Quân Đội, cụ thể: tại tài khoản số 0800100048888, 8686789789789, 0800122226666 và ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam tài khoản số 2153405706 để đảm bảo thi hành án. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền **4.228.477.324 đồng**.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L Giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 do không liên quan đến vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án treo để có điều kiện chăm sóc nuôi dạy các con.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T (nay là Viện kiểm sát khu vực 2), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị L không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa thấy Bị cáo Phạm Thị L đã có hành vi giao dịch với bà Hà Thị T 10 lần dưới hình thức Hợp đồng vay tài sản (là tiền Việt Nam qua hình thức chuyển khoản), với tổng giá trị 4.870.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi L thu được là 562.000.000 đồng với lãi suất từ 103,5%/năm đến 1368,75%/năm, cao hơn mức 5,175 lần đến 68,4375 lần mức lãi suất

cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi theo quy định tại khoản 1 điều 426 Bộ luật dân sự là 81.293.630 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 480.706.370 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích tư lợi, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực hành vi dân sự, năng lực chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Thị L đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T (Nay là Viện kiểm sát khu vực 2 Hà Nội) truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình thức xử lý đối với bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính và bà Hà Thị T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, việc bị cáo phạm tội cũng có một phần lỗi của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo đã ly hôn chồng, hiện đang nuôi 4 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước, gây bức xúc trong xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý theo quy định của pháp luật, từ đó mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở các quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (đã được Tòa án nhân dân tối cao hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022). Xét nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, cải tạo để bị cáo có điều kiện sửa chữa những sai lầm, tu dưỡng rèn luyện bản thân, chăm lo cho gia đình và trở thành công dân có ích. Do bị cáo hiện nay không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Người liên quan bà Hà Thị T yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền, cụ thể: 480.715.370 đồng. Xét yêu cầu của người có quyền lợi liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật, được chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo L cũng xác nhận đúng số tiền mà bị cáo phải trả lại cho bà T. Do vậy, cần buộc bị cáo phải trả lại cho bà Hà Thị T số tiền lãi vượt quá quy định 480.715.370 đồng

Đối với số tiền bị cáo đã cho bà Hà Thị T vay là: 4.389.293.630 đồng trong đó có 81.293.630 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật (không quá 20% của khoản vay) cần phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước theo Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao. Trước khi xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án tại cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0012917 ngày 27/6/2025. Bị cáo đã bị cơ quan điều tra phong tỏa số tiền **140.816.306** đồng tại ngân hàng TMCP Q, cụ thể: tại tài khoản số 0800100048888, 8686789789789, 0800122226666 và ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam tài khoản số 2153405706 để đảm bảo thi hành án. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền **4.228.477.324** đồng.

Đối với các khoản vay dân sự và việc bị cáo xin lại giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023, do không liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trả lại bản chính giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 cho bị cáo.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 201; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;
- Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Phạm Thị L cho công an phường D, Thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường D trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Hà Thị T số tiền lãi vượt quá quy định 480.715.370 đồng;

-Truy thu số tiền bị cáo đã cho bà Hà Thị T vay là: 4.389.293.630 đồng trong đó có 81.293.630 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật (không quá 20% của khoản vay) để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án tại cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0012917 ngày 27/6/2025 và số tiền **140.816.306** đồng bị cáo bị phong tỏa tại ngân hàng TMCP Q, cụ thể: tại tài khoản số 0800100048888, 8686789789789, 0800122226666 và ngân hàng thương mại cổ phần B tài khoản số 2153405706. Buộc bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền **4.228.477.324 đồng.**

-Trả lại bản chính giấy vay tiền đề ngày 27/2/2023 cho bị cáo Phạm Thị L.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND khu vực 2 Hà nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THA TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương

